

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 08 - 2024

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thắng.
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Truyền Hân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 08 năm 2024 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 25 tháng 07 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Quyền L**, sinh năm: 1997 (có mặt).

Địa chỉ: **Ấp B, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm: 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp B, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Trần Quyền L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2023, anh **L** và chị **Nguyễn Thị Bé H** tự nguyện kết hôn hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn V,**

huyện L, tỉnh Hậu Giang. Anh L1 và chị H sống chung hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên thường xuyên cự cãi. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L1 yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh L1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H nhiều lần để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị H nhiều lần vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay chị H tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn anh Trần Quyền L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H. Căn cứ theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Bị đơn bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H có địa chỉ cư trú tại ấp B, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H, nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi cho chị H theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh L1 hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2023, anh L1 và chị H tự nguyện kết hôn hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Vợ chồng anh L1 và chị H sống chung hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên cự cãi. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **L** yêu cầu được ly hôn với chị **H**, Toà án đã triệu tập chị **H** nhiều lần để tiến hành hoà giải, nhưng chị **H** đều vắng mặt không có lý do. Từ đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **L** cho anh **L** và chị **H** được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Anh **L** khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh **L** khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh **Trần Quyền L** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 233 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51; Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Trần Quyền L** đối với bị đơn chị **Nguyễn Thị Bé H**. Cho nguyên đơn anh **Trần Quyền L** được ly hôn với bị đơn chị **Nguyễn Thị Bé H**.

2. Về con chung: Anh **L** khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh **L** khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh **L** khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh **Trần Quyền L** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010100 phiếu lập ngày 17/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/08/2024). Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND thị trấn Vĩnh Viễn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Ngọc Thới Phần